

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2024

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Kim An;

Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; địa chỉ; xóm C, Thôn K, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; vắng mặt; chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Trọng Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: xóm D, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trọng Đ tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2022. Trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ

chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 01 năm 2023 chị và anh Đ đã sống ly thân. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị được xin ly hôn anh Phạm Trọng Đ.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Toà án gửi các văn bản tố tụng thông qua địa phương để tổng đạt cho anh Phạm Trọng Đ, gia đình anh Đ cụ thể là ông Phạm Hồng P là bố đẻ của anh Đ đã ký nhận các bản tố tụng này. Nhưng anh Đ không đến Toà án để làm việc không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án về việc chị N xin ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ tại UBND xã Xuân Thành

Anh Phạm Trọng Đ là người có nơi cư trú tại xã X, còn chị Nguyễn Thị N không đăng ký hộ khẩu tại xã X.

Khi Toà án gửi các văn bản tố tụng thông qua địa phương để tổng đạt cho anh Phạm Trọng Đ, gia đình anh Đ cụ thể là ông Phạm Hồng P là bố đẻ của anh Đ đã ký nhận các bản tố tụng này.

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Trọng Đ tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2022. Chị N và anh Đ chung sống với nhau được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm. Từ tháng 01 năm 2023 chị N và anh Đ đã sống ly thân. Căn cứ vào lời trình bày của chị N cũng như thực trạng hôn nhân giữa các bên đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho chị N được ly hôn anh Phạm Trọng Đ.

* Về con chung: Chị N và anh Đ chưa có con chung.

* Về tài sản: Ở địa phương chị N và anh Đ không có tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật;

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Trọng Đ.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Trọng Đ đến với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị N và anh Đ sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho anh Đ, gia đình là ông Phạm Hồng Phú B để đã nhận nhưng không thấy anh Đ đến Tòa án để làm việc, không ý kiến bằng văn bản của mình cho Tòa án về việc chị N xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ anh Đ không thiết tha mặn mà với cuộc hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và Đ là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn anh Đ là phù hợp nên HĐXX sẽ chấp nhận yêu cầu của chị N là xử cho ly hôn với anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ chưa có con chung.

[4] Về tài sản: Chị N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Trọng Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Trọng Đ chưa có con chung.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000205 ngày 09/7/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày có nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã : 01 bản;
- UBND xã ; 01 bản ;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Ngọc Long

